UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 893/QĐ-UBND.HC	*Đồng Tháp, ngày 10 tháng 10 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án sử dụng hợp lý tài nguyên đất ngập nước Vườn Quốc gia Tràm Chim có sự tham gia của cộng đồng giai đoạn 2012 - 2016

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 895/SNN-KL ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Vườn Quốc gia Tràm Chim tại tại Tờ trình số 10/TTr-VQG ngày 27 tháng 08 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án sử dụng hợp lý tài nguyên đất ngập nước Vườn Quốc gia Tràm Chim có sự tham gia của cộng đồng giai đoạn 2012 – 2016, với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu:

1.1 Mục tiêu chung:

Quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên bên trong Vườn Quốc gia Tràm Chim một cách bền vững với sự tham gia của cộng đồng tại địa phương, góp phần nâng cao ý thức của cộng đồng về bảo tồn tài nguyên, phòng chống cháy rừng và kiểm soát các loài ngoại lai xâm hại.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

- Giải quyết việc làm cho khoảng 300 hộ dân sống xung quanh Vườn có việc làm ổn định trong mùa nước nổi, góp phần tăng thu nhập để cải thiện sinh hoạt trong gia đình, với mức thu nhập bình quân từ 1,5-2 triệu đồng/hộ/tháng.

- Giảm từ 30-50% số vụ vi phạm trái phép vào Vườn so với các năm trước khi thực hiện đề án.

- Giảm từ 30-50% lượng vật liệu gây cháy trên khu vực cho phép sử dụng tài nguyên.

- Thông qua việc thực hiện đề án, đánh giá và cập nhật thông tin về thành phần loài và sản lượng thủy sản của Vườn.

2. Đối tượng tham gia

Một số hộ thuộc diện gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo cư ngự tại các xã, thị trấn tiếp giáp với Vườn quốc gia Tràm Chim, có nhu cầu sử dụng tài nguyên, có phương tiện tham gia khai thác tài nguyên. Danh sách các hộ này do Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức bình xét, phòng Lao động-Thương binh và Xã hội huyện Tam Nông xác nhận.

3. Các loại tài nguyên sử dụng

3.1. Thuỷ sản: Các loài thủy sản (trừ các loài thủy sản trong sách đỏ Việt Nam, những loài có số lượng ít, cần bảo tồn ở Vườn quốc gia Tràm Chim)

3.2 Rau, cỏ: gồm các loại sen, súng, rau muống, rau trai,…, rong bèo, cỏ. Khuyến khích khai thác các loại động, thực vật ngoại lai: ốc bưu vàng, mai dương.

3.3. Củi tràm: chỉ khai thác cây tràm chết.

4. Vị trí, diện tích, sản lượng, thời gian khai thác

4.1 Thủy sản:

Khai thác dọc theo các tuyến đê bao của khu A1, A2, vị trí khai thác từ bờ bao vào phía trong 700-800m (theo sơ đồ 1 của đề án). Tổng diện tích khai thác khoảng 900-1.200 ha. Sản lượng khai thác cho phép từ 40-50 tấn/năm (trong đó, cá trắng chiếm 85%, cá đen chiếm 15%)

Thời gian khai thác từ tháng 01-tháng 04 và từ tháng 8- tháng 12.

4.2 Sen, súng, rau, cỏ:

Khai thác dọc theo các tuyến đê bao của khu A1, A2, vị trí khai thác từ bờ bao vào phía trong 700-800m (theo sơ đồ 1 của đề án). Diện tích khai thác: sen, súng, rau khai thác từ 7-10 ha/năm, cỏ khai thác từ 50-100 ha/năm.

Thời gian khai thác: từ tháng 8 đến tháng 2 năm sau.

4.3 Củi tràm: khai thác cây tràm chết trong khu A2, vị trí khai thác theo sơ đồ 2 của đề án. Diện tích từ 70-100 ha/năm, sản phẩm khai thác từ 1.500-2.000 thước củi/năm (3 thước củi = 1 ster củi).

Thời gian khai thác: từ tháng 7 đến tháng 2 năm sau. Trong thời gian từ tháng 8-tháng 10, không khai thác ở các khu vực chim sinh sản.

5. Số lượng ngư cụ, công cụ sử dụng:

5.1 Đối với khai thác thủy sản: số lượng ngư cụ khai thác ở 1 lô (diện tích 150-200 ha) không quá: lưới 5.000m (kích thước mắt lưới thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định 19/2001/QĐ-UBND ngày 28 tháng 03 năm 2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp), câu giăng 5.000m, trúm 100 ống, sơ ri (xà vi) 150 cái, lợp cầu 150 cái, lờ 100 cái. Mỗi xã, thị trấn có 1 ô khai thác.

Riêng đối với chà đống, Vườn quốc gia Tràm Chim tự tổ chức chất chà để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học (điều tra đánh giá số loài thủy sản, số lượng thủy sản hàng năm), số lượng không quá 10 đống chà/năm, diện tích mỗi đống chà không quá 100 m^2. Sau khi kiểm tra số lượng và loài thủy sản, phải thả thủy sản về môi trường tự nhiên.

5.2 Đối với khai thác củi tràm, rau, cỏ và các loài ngoại lai: chỉ sử dụng các công cụ thủ công: dao, búa, lưỡi hái,…

6. Kinh phí thực hiện:

- Kinh phí khảo sát lập đề án, phương án thực hiện hàng năm, chi phí kiểm tra, giám sát thực hiện đề án: Vườn quốc gia Tràm Chim thu phí sử dụng tài nguyên của các hộ dân để đảm bảo kinh phí thực hiện các nội dung trên. Mức thu phí sử dụng tài nguyên không quá 5% doanh thu khai thác của các hộ dân.

- Kinh phí nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án: 120 triệu đồng, bình quân 30 triệu đồng/năm (thực hiện từ năm 2013-2016). Thực hiện việc gieo ương, thả bổ sung những loài động vật thủy sản có nguy cơ tuyệt chủng, mật độ tự nhiên trong Vườn còn rất ít. Danh mục loài động vật thủy sản do Vườn quốc gia Tràm Chim thống nhất với Chi cục Thủy sản Tỉnh.

Điều 2. Giao Vườn Quốc gia Tràm Chim chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu dự án đề ra, định kỳ hàng năm báo cáo Uỷ ban nhân dân Tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Vườn Quốc gia Tràm Chim; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Tam Nông chịu trách nhiệm thi thành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Lưu VT, NC/KTN.nth.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Minh Hoan